

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 10/2021/HSST
Ngày 29 - 01 - 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮKLẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Míp Niê và bà Nguyễn Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa:
Ông Y Muôn Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2020/HSST ngày 31 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST – HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/2021/TB - TA ngày 18/01/2021 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Thị T; Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1966 tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi ĐKKHKT: Thôn X xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa giáo.

Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm nông

Họ và tên bố: Nguyễn B; Họ và tên mẹ: Lê Thị C;

Chồng: Lê Văn C1;

Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh 2001.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 27/7/2020, đến ngày 30/7/2020 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ tên: Trương Văn D; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1974 tại: Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Nơi ĐKKHKT: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo;

Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Làm nông

Họ và tên bố: Trương Văn Q; Họ và tên mẹ: Hồ Thị H;

Vợ: Tôn Nữ D;

Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh 2002.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Châu Văn L (Vắng mặt), bà Nguyễn Thị Bích H (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Phạm Thị Thanh X (Vắng mặt), ông Đoàn Nguyễn Ngọc T1 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Nguyễn Thanh L1 (Vắng mặt), ông Lê Văn Th (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Huỳnh Thị L2 (vắng mặt), bà Lê Thị Ng (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Phạm Thị A (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Phạm Thị Th1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bà Không Thị Thủy X1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Lê Văn H (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 20 ngày 26/7/2020, Cơ quan CSĐT Công an huyện K bắt quả tang Trương Văn D đang nhận tiền ghi lô đề của đối tượng Đoàn Nguyễn Ngọc T1 (sinh 1987, trú thôn X, xã P) ngay tại nhà riêng của D thuộc thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Qua đấu tranh, Dg đã nhận là người ghi lô đề, sau đó tổng hợp thành tịch đề chuyển đến cho Nguyễn Thị T để hưởng tiền chênh lệch. Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp đối với Nguyễn Thị T, thu giữ được một số tài liệu có liên quan đến việc làm chủ đề của T.

Quá trình điều tra, D và T khai nhận về cách thức đánh đề như sau: Dựa vào kết quả xổ số kiến thiết đài Thủ đô (thường được gọi là Đài Miền Bắc) và kết quả xổ số kiến thiết đài các tỉnh miền trung để đánh lô đề theo hình thức: *Bao lô hai chân* là đánh bất kỳ con số nào từ 00 đến 99 theo hai số cuối của tất cả các giải xổ số, chủ đề trả tiền trúng đề theo tỉ lệ 1 điểm ăn 70.000đ đối với đài Miền Trung, 01 điểm ăn 75.000đ đối với đài Miền Bắc; *Bao lô ba chân* là đánh bất kỳ con số nào từ 000 đến 999 theo ba số cuối của tất cả các giải xổ số, chủ đề trả tiền trúng đề theo tỉ lệ 1 điểm ăn 450.000đ đối với đài Miền Trung, ăn 500.000đ đối với đài Miền Bắc; *Đầu đuôi hai chân* (còn gọi là đầu cuối hoặc đầu chót) đầu là đánh số đề theo hai số cuối của giải tám (đài Miền Trung) và giải bảy (đài Miền Bắc), đuôi là đánh số đề theo hai số cuối giải đặc biệt, chủ đề trả tiền trúng đề theo tỉ lệ 1.000đ ăn 70.000đ đối với đài miền Trung, ăn 75.000đ đối với đài miền Bắc; *Đầu đuôi ba chân* đầu là đánh số đề theo ba số cuối của giải bảy (đài Miền Trung) và giải sáu (đài Miền Bắc), đuôi là đánh số đề theo ba số cuối của giải đặc

biệt, chủ đề trả tiền trúng đề theo tỉ lệ 1.000đ ăn 450.000đ đối với đài Miền Trung và ăn 500.000đ đối với đài Miền Bắc; *Đá cặp* là đánh cặp số đề hai chân theo hai số cuối của tất cả các giải xổ số, chủ đề trả tiền trúng đề theo tỉ lệ 1 điểm ăn 450.000đ đối với đài Miền Trung và 500.000đ đối với đài Miền Bắc.

D và T thỏa thuận với những người ghi đề (bao gồm Phạm Thị Th1, Khổng Thị Thủy X1, Huỳnh Thị L2, Đoàn Nguyễn Ngọc T, Lê Văn Th, Nguyễn Thanh L1, Phạm Thị Thanh X, ... và một số người khác) 01 điểm đài miền Bắc tương ứng 22.000đ, chuyển cho D và T 21.000đ/điểm (trừ Phạm Thị Th1 chuyển 01 điểm tương ứng 20.500đ); 01 điểm đài miền Trung tương ứng 13.000đ, chuyển cho D và T 12.500đ/điểm; đánh đầu, đuôi bằng tiền thì cứ 10.000đ chuyển cho T và D 7.500đ. Các đối tượng chuyển tịch đề cho D và T trước 17^h30 hàng ngày đối với đài miền trung và 18^h30 đối với đài miền bắc. Việc tính toán tiền thắng thu được thực hiện vào sáng ngày hôm sau.

Nguyễn Thị T và Trương Văn D đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức ghi số đề, cụ thể như sau:

1. Đối với Nguyễn Thị T: Ngày 26/7/2020, T đã nhận tịch đề của Trương Văn D và của các đối tượng: Phạm Thị Th1, Khổng Thị Thủy X1 và Huỳnh Thị L2, nhưng chưa nhận tiền. Căn cứ vào số tiền ghi đề và số tiền người chơi trúng có căn cứ xác định bị cáo đã tham gia đánh bạc với tổng số tiền là 39.477.000đ. Trong đó:

- Số tiền T đánh bạc đài Khánh Hòa là 13.057.000đ (*ghi đề 7.947.000đ, trúng đề 5.110.000đ*), gồm: Tiền bị cáo đánh bạc với bị cáo Trương Văn D là 6.090.000đ (*ghi đề 3.850.000đ, trúng đề 2.240.000đ*); với Phạm Thị Th1 là 2.317.000đ (*ghi đề 1.251.000đ, trúng đề 1.120.000đ*); với Khổng Thị Thủy X1 là 3.446.000đ (*ghi đề 2.046.000đ, trúng đề 1.400.000đ*); với Huỳnh Thị L2 là 1.150.000đ (*ghi đề 800.000đ, trúng đề 350.000đ*).

- Số tiền T đánh bạc đài Kon Tum là 12.103.000đ (*ghi đề 5.523.000đ, trúng đề 6.580.000đ*), gồm: Số tiền bị cáo đánh bạc với bị cáo Trương Văn D là 7.470.000đ (*ghi đề 2.290.000đ, trúng đề 5.180.000đ*); với Phạm Thị Th1 là 785.000đ (*không trúng đề*); với Khổng Thị Thủy X là 2.688.000đ (*ghi đề 1.638.000đ, trúng đề 1.050.000đ*); với Huỳnh Thị L1 là 1.160.000đ (*ghi đề 810.000đ, trúng đề 350.000đ*).

- Số tiền T đánh bạc đài Miền Bắc là 14.317.000đ (*ghi đề 6.567.000đ, trúng đề 7.750.000đ*), bao gồm: Số tiền bị cáo đánh bạc với bị cáo Trương Văn D là 4.918.000đ (*ghi đề 2.368.000đ, trúng đề 2.550.000đ*); với Phạm Thị Th1 là 3.969.000đ (*ghi đề 1.494.000đ, trúng đề 2.475.000đ*); với Khổng Thị Thủy X1 là 4.000.000đ (*ghi đề 2.250.000đ, trúng đề 1.750.000đ*); với Huỳnh Thị L1 là 1.430.000đ (*ghi đề 455.000đ, trúng đề 975.000đ*).

Sau khi ghi lô đề cho những con bạc trên, Nguyễn Thị T đã chuyển một phần tịch đề đến Châu Văn L với tổng số tiền đánh bạc là 6.846.000đ (*gồm đài Khánh Hòa là 1.388.000đ, đài Kon Tum là 1.628.000đ và đài Miền Bắc là 3.830.000đ*). Toàn bộ số tịch đề còn lại do Nguyễn Thị T tự ôm làm chủ lô đề.

Khi bị phát hiện Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 tịch đề giấy khổ A4, 01 điện thoại di động hiệu MASSTEL màu đen. Quá trình điều tra T đã tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000đ.

2. Đối với bị cáo Trương Văn D: Ngày 26/7/2020, Trương Văn D đã tham gia đánh bạc với hình thức ghi và làm chủ lô đề. Căn cứ vào số tiền ghi đề và số tiền người chơi trúng thì bị cáo đã tham gia đánh bạc với tổng số tiền 29.555.000đ. Trong đó:

- Số tiền D đánh bạc đài Khánh Hòa là 11.115.000đ (*ghi đề 6.775.000đ, trúng đề 4.340.000đ*), gồm: Ghi lô đề cho các đối tượng Đoàn Nguyễn Ngọc T1 (*sinh 1987; trú thôn X, xã P*) với số tiền 260.000đ (*không trúng đề*); Lê Văn Th1 (*sinh 1988; trú thôn X, xã P*) với số tiền 152.000đ (*không trúng đề*); Nguyễn Thanh L (*sinh 1975; trú thôn X, xã P*) với số tiền 650.000đ (*không trúng đề*); Phạm Thị Thanh X (*sinh 1957; trú thôn X, xã P*) với số tiền 1.300.000đ (*không trúng đề*); Huỳnh Thị L1 chuyển tịch đề (trước đó D chuyển cho L tịch đề bằng giấy A4, nhưng L không nhận mà tổng hợp lại rồi nhắn tin chuyển trả cho D) với số tiền 1.548.000đ (*trúng đề là 2.100.000đ*); Ngoài ra, D ghi lô đề cho một số đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch được số tiền 2.865.000đ (*tiền trúng đề là 2.240.000đ*).

- Số tiền D đánh bạc đài Kon Tum là 10.662.000đ (*ghi đề được 4.742.000đ, trúng đề là 5.880.000đ*), gồm: Ghi lô đề cho các đối tượng Lê Văn Th với số tiền 152.000đ (*không trúng đề*); Nguyễn Thanh L với số tiền 650.000đ (*không trúng đề*); Phạm Thị Thanh X với số tiền 780.000đ (*không trúng đề*); Huỳnh Thị L chuyển tịch đề với số tiền 1.412.000đ (*trúng đề là 700.000đ*); Ngoài ra, bị cáo ghi lô đề cho một số đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch được số tiền 1.748.000đ (*tiền trúng đề là 5.880.000đ*).

- Số tiền D đánh bạc đài Miền Bắc là 7.818.000đ (*ghi đề được 5.268.000đ, trúng đề là 2.550.000đ*), gồm: Ghi lô đề cho các đối tượng Đoàn Nguyễn Ngọc T với số tiền 110.000đ; Lê Văn Th với số tiền 1.120.000đ; Lê Thị Thu N với số tiền 250.000đ; Phạm Thị Thanh X với số tiền 1.200.000đ; Huỳnh Thị L chuyển tịch đề với số tiền được 1.590.000đ; Ngoài ra, bị cáo ghi lô đề cho một số đối tượng chưa rõ nhân thân lai lịch được số tiền 998.000đ.

Sau khi ghi lô đề cho những con bạc trên, Trương Văn D đã chuyển một phần tịch đề đến Nguyễn Thị Bích H với tổng số tiền là 8.660.000đ (*gồm đài Khánh Hòa 3.648.000đ; đài Kon Tum 2.112.000đ và đài Miền Bắc 2.900.000đ*); chuyển một phần tịch đề đến Nguyễn Thị T với tổng số tiền là 18.478.000đ (*gồm đài Khánh Hòa 6.090.000đ; đài Kon Tum 7.470.000đ và đài Miền Bắc 4.918.000đ*). Ngoài ra, Trương Văn D tự ôm làm chủ lô đề với tổng số tiền là 2.417.000đ (*gồm đài Khánh Hòa 1.377.000đ và đài Kon Tum 1.040.000đ*).

Bị cáo đã nhận tiền đánh bạc của các con bạc 5.611.000đ. Khi bị bắt quả tang Cơ quan điều tra thu giữ của Trương Văn D số tiền 254.000đ, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA và 01 điện thoại di động XIAOMI. Quá trình điều tra D tự nguyện giao nộp số tiền 8.300.000đ.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Thị T 02 tịch đề giấy khổ A4, 01 điện thoại di động hiệu MASSTEL màu đen. T đã tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000đ; Thu giữ của Trương Văn D số tiền 254.000đ, 01 điện thoại di động hiệu NOKIA và 01 điện thoại di động XIAOMI, D tự nguyện giao nộp số tiền 8.300.000đ. Phạm Thị Th tự nguyện giao nộp 3.000.000đ và 01 điện thoại Nokia, thu

giữ của Đoàn Nguyễn Ngọc T 456.000đ và 01 điện thoại di động hiệu MASSTEL; của Lê Văn Th 2.554.000đ và 01 điện thoại di động hiệu FORME màu tím; Phạm Thanh X giao nộp 2.000.000đ và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A3F; Huỳnh Thị L đã tự nguyện giao nộp 2.099.000đ và 01 điện thoại di động hiệu INTEL. Nguyễn Thanh L đã giao nộp 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu xám đen, Lê Thị Thu Ng giao nộp 01 điện thoại Nokia màu xanh.

Cáo trạng số 08/CT-VKS ngày 30/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng giữ nguyên toàn bộ nội dung quyết định truy tố theo cáo trạng và đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị T và Trương Văn D phạm tội “Đánh bạc”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Trương Văn D từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 3 Điều 321 BLHS: Phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với Nguyễn Thị T từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ; đối với Trương Văn D từ 15.000.000đ đến 20.000.000đ;

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền 14.344.000đ đã thu giữ gồm: 5.611.000đ thu giữ của Trương Văn D, 2.840.000đ thu giữ của Phạm Thị Th, 370.000đ thu giữ của Đoàn Nguyễn Ngọc T, 1.424.000đ thu giữ của Lê Văn Th1, 2.000.000đ thu giữ của Phạm Thị Thanh X và 2.099.000đ thu giữ của Huỳnh Thị L.

Tịch thu sung công 10 điện thoại di động đã qua sử dụng gồm: 04 điện thoại di động hiệu Nokia, 02 điện thoại di động hiệu Masstel, 01 điện thoại di động hiệu Forme, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3F, 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi và 01 điện thoại di động hiệu Inter (Các điện thoại có đặc điểm như biên bản tạm giữ).

Tuyên trả lại cho Nguyễn Thị T 10.000.000đ, Trương Văn D 2.943.000đ, Phạm Thị Th 160.000đ, Đoàn Nguyễn Ngọc T 86.000đ, Lê Văn Th 1.130.000đ.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, các bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như diễn biến hành vi mà Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo theo nội dung bản cáo trạng.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Với mục đích thu lợi bất chính, ngày 26/7/2020, Nguyễn Thị T và Trương Văn D đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh đề. Nguyễn Thị T đã nhận tịch đề với tổng số tiền 39.477.000đ, trong đó tiền đánh đề Đài Khánh Hòa là 13.057.000đ, tiền đánh đề đài Kon Tum là 12.103.000đ, tiền đánh đề đài miền Bắc là 14.317.000đ. Trương Văn D đã nhận tịch đề với tổng số tiền 29.555.000đ, trong đó tiền đánh đề Đài Khánh Hòa là 11.115.000đ, tiền đánh đề đài Kon Tum là 10.662.000đ, tiền đánh đề đài miền Bắc là 7.818.000đ.

Hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố và đề nghị xử phạt các bị cáo về tội “Đánh bạc ” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

Khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện có tính nguy hiểm cho xã hội. Vì hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quy định của Nhà nước về trật tự an toàn công cộng - Một khách thể quan trọng được luật hình sự bảo vệ. Mặt khác, hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Chính vì vậy việc xử lý các bị cáo một cách nghiêm minh bằng pháp luật hình sự là hoàn toàn cần thiết và thỏa đáng. Vì như vậy vừa bảo đảm nguyên tắc trừng trị của pháp luật đối với người phạm tội và qua việc xử lý các bị cáo một cách nghiêm minh cũng có tác dụng phòng ngừa răn đe chung trong cộng đồng. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành. HĐXX đánh giá vai trò, tính chất mức độ phạm tội và đặc điểm về nhân thân của từng bị cáo để có căn cứ áp dụng mức hình phạt phù hợp, cụ thể như sau:

- Đối với Nguyễn Thị T: Nhằm mục đích thu lợi bất chính, bị cáo đã khởi xướng, rủ rê, tổ chức việc thực hiện hành vi phạm tội, đồng thời tham gia thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực. Vì vậy cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo.

- Đối với Trương Văn D: Mặc dù số tiền dùng tham gia đánh bạc là thấp hơn bị cáo. Tuy nhiên bị cáo cũng tham gia thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực. Vì vậy cũng cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, nhưng nhẹ hơn bị cáo Thu.

Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp luật, nên cần chấp nhận.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phải cần phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: HĐXX xét thấy các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đều tỏ ra thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải. Vì vậy, thực hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật, HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định của BLHS để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo khi ấn định mức hình phạt cụ thể.

HĐXX xét thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi do bị cáo thực hiện thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly bị các cáo ra khỏi xã hội mà có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại cộng đồng dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng có đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Do các bị cáo đều làm nghề nông, có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[5]. Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy cần áp dụng Điều 35 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự để áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo nhằm đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Vật chứng do cơ quan điều tra thu giữ và do các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giao nộp trong quá trình điều tra bao gồm 28.663.000đ và 10 điện thoại di động các loại. Đối với 10 điện thoại di động là các công cụ các bị cáo và người liên quan sử dụng vào mục đích đánh bạc, nên cần tịch thu sung công. Trong số tiền thu giữ đã xác định được số tiền các bị cáo và người liên quan đánh bạc và cần tịch thu sung quỹ nhà nước gồm: Phạm Thị Th 2.840.000đ; Đoàn Nguyễn Ngọc T 370.000đ; Lê Văn Th1 1.424.000đ; Phạm thị Thanh X 2.000.000đ; Huỳnh Thị L1 2.099.000đ. Đối với số tiền không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Đối với Châu Văn L, Nguyễn Thị Bích H, Phạm Thị Thanh X1, Đoàn Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thanh L1, Lê Văn Th, Huỳnh Thị L, Lê Thị Ng, Phạm Thị A, Phạm Thị Th2, Khổng Thị Thủy X2 và Lê Văn H là những người có tham gia ghi số đề, nhưng số tiền ghi đề dưới 5.000.000đ và trước đó chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị kết án về tội đánh bạc, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự. Công an huyện K và Ủy ban nhân dân huyện K xử phạt hành chính đối với các đối tượng trên là có căn cứ.

[7]. Về án phí: Do xác định hành vi của các bị cáo là phạm tội và phải chịu hình phạt nên cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thị T và Trương Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 27 đến ngày 30 tháng 7 năm 2020, một ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại phải chấp hành là 01 năm 11 tháng 21 ngày.

+ Xử phạt bị cáo Trương Văn D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Trương Văn D.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 2 Điều 35 và khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự: Tuyên phạt Nguyễn Thị T 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Trương Văn D 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khoản tiền phạt sung công quỹ Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước tổng số tiền 14.344.000đ đã thu giữ gồm: 5.611.000đ thu giữ của Trương Văn D, 2.840.000đ thu giữ của Phạm Thị Th, 370.000đ thu giữ của Đoàn Nguyễn Ngọc T1, 1.424.000đ thu giữ của Lê Văn Th1, 2.000.000đ thu giữ của Phạm Thị Thanh X và 2.099.000đ thu giữ của Huỳnh Thị L.

Tịch thu sung công 10 điện thoại di động đã qua sử dụng gồm: 04 điện thoại di động hiệu Nokia, 02 điện thoại di động hiệu Masstel, 01 điện thoại di động hiệu Forme, 01 điện thoại di động hiệu Oppo A3F, 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi và 01 điện thoại di động hiệu Inter (Các điện thoại có đặc điểm như biên bản tạm giữ).

Tuyên trả lại cho Nguyễn Thị T 10.000.000đ, Trương Văn D 2.943.000đ, Phạm Thị Th 160.000đ, Đoàn Nguyễn Ngọc T1 86.000đ, Lê Văn Th1 1.130.000đ. Tiếp tục tạm giữ số tiền tuyên trả cho Nguyễn Thị T và Trương Văn D để đảm bảo việc Thi hành án dân sự.

(Toàn bộ số vật chứng và tiền tuyên tịch thu, sung quỹ nhà nước, tiền trả cho bị cáo, đương sự đã được Cơ quan cảnh sát điều tra chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo Biên bản giao nhận ngày 31/12/2020).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị T và Trương Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Công an huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Bộ phận THAHS;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN